

Bản án số: 65/2018/LĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2018

V/v tranh chấp về tiền lương,
bảo hiểm xã hội và trợ cấp thôi việc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Sáu - Cán bộ hưu trí.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng - Nguyên cán bộ Liên đoàn lao động quận Gò Vấp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-LĐ ngày 05/4/2018 về: “Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp thôi việc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: đường TTH, phường T, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H; Địa chỉ: đường P, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bang , sinh năm 1960, quốc tịch Hàn Quốc; Địa chỉ: đường H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chức danh: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội quận G; Địa chỉ: đường P, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đăng K, sinh năm 1974; Địa chỉ: đường P, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 435/GUQ-BHXXH ngày 24/4/2018 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội quận G) - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18 tháng 4 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị T là nguyên đơn trình bày:

Bà vào làm việc tại Doanh nghiệp tư nhân H (viết tắt là DNTN H) từ ngày 01/10/2006 và có ký hợp đồng lao động lần 1 vào ngày 01/10/2006, bà không nhớ là loại hợp đồng gì. Hiện nay bà cũng không còn giữ bản hợp đồng này. Đến ngày 01/01/2008 bà tiếp tục ký hợp đồng lao động lần thứ 2 là loại hợp đồng không xác định thời hạn với công việc là kế toán, mức lương theo hợp đồng là 1.767.000 đồng/tháng, nhưng thực nhận là 3.000.000 đồng/tháng. Cả hai lần ký hợp đồng bà đều ký với DNTN H (Sau này đổi tên thành Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H) và đã làm việc liên tục tại công ty từ đó đến nay. Trong quá trình làm việc, công ty đã nhiều lần tăng lương cho bà. Lần tăng lương gần nhất là tháng 01/2017 với mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) là 11.375.000 đồng/tháng, nhưng thực tế là 20.000.000 đồng, sau khi trừ BHXH, mức lương thực nhận hàng tháng là 18.805.625 đồng (căn cứ bảng lương hàng tháng công ty trả cho bà từ tháng 8/2017 đến tháng 01/2018).

Công ty đã trả lương cho bà đến hết tháng 01/2018. Sang tháng 02/2018 bà tiếp tục làm việc đến hết ngày 13/02/2018 thì nghỉ tết. Sau khi nghỉ tết, ngày 05/3/2018, tất cả mọi người trong công ty đi làm thì bà được biết chủ sở hữu đồng thời cũng là người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Bang đã không trở lại làm việc và công ty cũng ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đến nay, không trả lương và giải quyết chế độ cho người lao động. Như vậy là phía Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà.

Nay bà Vũ Thị T yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H phải trả cho bà ½ tháng tiền lương của tháng 02/2018 theo mức lương thực nhận là 18.805.625 đồng/tháng, trả trợ cấp thôi việc trong khoảng thời gian làm việc từ ngày 01/10/2006 đến 31/12/2008 là 02 năm 03 tháng và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (viết tắt là BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN) cho bà từ tháng 9/2017 đến hết tháng 02/2018 với số tiền là 21.840.000 đồng. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác. Hiện nay bà đã được nhận sổ BHXH chốt đến tháng 8/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H do ông Bang là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội quận G do ông Trần Đăng K là đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động trong đó có bà Vũ Thị T đến tháng 02/2018. Từ tháng 3/2018 do Chủ doanh nghiệp bỏ trốn, doanh nghiệp ngừng hoạt động nên không phát sinh BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN. Tuy nhiên, công ty mới trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động

cũng như cho bà Vũ Thị T đến tháng 8/2017. Hiện nay, công ty còn nợ chưa nộp vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Vũ Thị T từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 với tổng số tiền là 21.840.000 đồng.

Nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động, Bảo hiểm xã hội quận G có cùng ý kiến với nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H nộp ngay số tiền nợ quỹ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 của bà Vũ Thị T là 21.840.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Vũ Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H do ông Bang là người đại diện theo pháp luật được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội quận G do ông Trần Đăng K là đại diện theo ủy quyền cũng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của bà Vũ Thị T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H có trách nhiệm trả cho bà ½ tháng tiền lương của tháng 02/2018, tiền trợ cấp thôi việc trong thời gian bà làm việc tại công ty từ tháng 10/2006 đến tháng 12/2008 và đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà từ tháng 9/2017 đến hết tháng 02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện DNTN H (được đổi tên thành Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp) và bà Vũ Thị T có giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, không ghi ngày ký hợp đồng nhưng thể hiện thời hạn hợp đồng là từ ngày 01/01/2008. Do phía Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H vi phạm hợp đồng lao động nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lương, đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN và thanh toán tiền trợ cấp thôi việc. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án lao động về “Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp thôi việc” theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H chưa đăng ký giải thể và có trụ sở tại quận Gò Vấp, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều

35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo trình bày của phía nguyên đơn thì Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H còn nợ nguyên đơn $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương của tháng 02/2018, tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/10/2006 đến 31/12/2008 và chưa đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN từ tháng 9/2017 đến hết tháng 02/2018. Do Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H vi phạm hợp đồng lao động nên vào ngày 29/3/2018 bà Vũ Thị T đã khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật lao động năm 2012 quy định *“Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm”*. Như vậy, tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về tố tụng: Xét thời điểm Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H và bà Vũ Thị T phát sinh tranh chấp về lao động vào tháng 02 năm 2018, Bộ luật Lao động số 10/2012-QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 đang có hiệu lực pháp luật, nên tranh chấp giữa bà Vũ Thị T và Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H sẽ được áp dụng Bộ luật Lao động số 10/2012QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành của luật này để giải quyết.

[4] Về yêu cầu thanh toán $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương, đây là tranh chấp giữa cá nhân người lao động với người sử dụng lao động. Căn cứ vào Điều 201 của Bộ luật Lao động năm 2012 nguyên đơn đã tiến hành thủ tục hoà giải của Hoà giải viên lao động trước khi khởi kiện tại Tòa án là đúng quy định của pháp luật.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội quận G ủy quyền cho ông Trần Đăng K làm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án (Văn bản ủy quyền số 435/GUQ-BHXH ngày 24 tháng 4 năm 2018), nên Tòa án triệu tập ông Trần Đăng K để tham gia tố tụng là đúng quy định. Trong thành phần Hội đồng xét xử có Hội thẩm nhân dân đã công tác tại Liên đoàn lao động quận Gò Vấp là phù hợp với quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 18/4/2018, ông Trần Đăng K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 22/6/2018, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[7] Về sự vắng mặt của bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H do ông Bang là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[8] Về sự tham gia phiên tòa của Viện Kiểm sát: Do vụ án có liên quan đến lợi ích công cộng và Tòa án có tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa.

[9] Về nội dung vụ án: Theo bà Vũ Thị T trình bày thì bà vào làm việc tại DNTN H từ ngày 01/10/2006 và có ký hợp đồng lao động lần 1 vào ngày 01/10/2006, bà không nhớ là loại hợp đồng gì và cũng không còn giữ bản hợp đồng này. Đến ngày 01/01/2008 bà tiếp tục ký hợp đồng lao động lần thứ 2 với DNTN H là loại hợp đồng không xác định thời hạn và đã làm việc liên tục đến ngày 13/02/2018 thì nghỉ tết.

[10] Căn cứ theo sổ bảo hiểm xã hội số 0204355478 của bà Vũ Thị T thể hiện bà đã tham gia BHXH tại DNTN H (sau này đổi tên là Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H) liên tục từ tháng 10/2006 đến tháng 8/2017 nên có đủ cơ sở xác định bà Thợt và Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H có phát sinh quan hệ lao động từ tháng 10/2006.

[11] Mặc dù hợp đồng lao động của nguyên đơn ký với DNTN H, tuy nhiên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H có mã số doanh nghiệp: 0302747990 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân trở lên thành Công ty TNHH một thành viên Doanh nghiệp tư nhân H, nên Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H chịu trách nhiệm kế thừa các quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng lao động giữa DNTN H với bà Vũ Thị T.

[12] Sau khi nghỉ tết, ngày 05/3/2018 đi làm trở lại thì bà được biết chủ sở hữu đồng thời cũng là người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Bang đã không đi làm trở lại và công ty cũng ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đến nay, không trả lương và giải quyết chế độ cho người lao động. Điều này phù hợp với kết quả xác minh của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/3/2018: *“Bang sinh ngày 20/8/1960, hộ chiếu số M44649677 do Hàn Quốc cấp. Đang sự đã nhập cảnh qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất vào ngày 07/01/2018 và xuất cảnh vào ngày 03/02/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh”*. Như vậy, phía Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H không trả lương cho bà Thợt từ tháng 02/2018, chủ sở hữu đồng thời là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không có mặt tại Việt Nam từ tháng 02/2018 mà không có người đại diện và không bố trí công việc cho bà Thợt từ đó đến nay. Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật lao động, có thể xác định Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà Vũ Thị T. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc và đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thực hiện các nghĩa vụ còn lại của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Về yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn ½ tháng tiền lương của tháng 02/2018 theo mức lương thực nhận là 18.805.625 đồng/tháng. Theo trình bày của nguyên đơn thì tháng 2/2018 bà vẫn làm việc từ ngày 01 đến ngày 13, trong đó có 02 ngày chủ nhật nghỉ. Như vậy trong tháng 02/2018 bà Thợt đã làm việc 11 ngày (13 ngày - 02 ngày nghỉ hàng tuần). Tuy nhiên từ ngày 14/02/2018 (29/12 âm lịch) là thời gian nghỉ tết âm lịch. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 115 Bộ luật lao động thì:

“1. Người lao động được nghỉ làm việc hưởng nguyên lương trong những ngày lễ, tết sau đây: ...b) tết âm lịch 05 ngày;”

Như vậy trong tháng 02/2018 bà Thợt làm việc 11 ngày và 05 ngày nghỉ tết hưởng nguyên lương, tổng cộng là 16 ngày. Tuy nhiên bà chỉ yêu cầu trả cho bà ½ tháng lương là có lợi cho bị đơn nên cần được chấp nhận.

[14] Về mức lương, căn cứ bảng lương hàng tháng của Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H trong 06 tháng liền kề trước khi bà Thợt nghỉ việc (từ tháng 8/2017 đến tháng 01/2018) thể hiện mức lương thực tế hàng tháng của bà Thợt là 20.000.000 đồng, sau khi trừ bảo hiểm xã hội thì thực nhận là 18.805.625 đồng.

Như vậy, Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị T ½ tháng tiền lương của tháng 02/2018 là: 18.805.625 đồng : 2 = 9.402.812 đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[15] Về yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tiền trợ cấp thôi việc. Căn cứ khoản 2 Điều 42 Bộ luật lao động, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[16] Về thời gian và tiền lương tính trợ cấp thôi việc: Nguyên đơn yêu cầu tính trợ cấp thôi việc trong khoảng thời gian từ ngày 01/10/2006 đến 31/12/2008.

[17] Căn cứ Bản ghi quá trình đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Vũ Thị T trong Sổ bảo hiểm xã hội số 0204355478 do Bảo hiểm xã hội quận G quản lý thể hiện bà Vũ Thị T có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H đến tháng 8 năm 2017 là 10 năm 11 tháng; đóng bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 8 năm 2017 là 08 năm 08 tháng.

Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật lao động thì thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc cho bà Thợt là: 10 năm 11 tháng – 08 năm 08 tháng = 02 năm 03 tháng. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 14 nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động thì được làm tròn 2,5 năm.

[18] Theo khoản 2 Điều 48 Bộ luật lao động thì tiền lương để tính trợ cấp thôi việc cho bà Thợt là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi bà thôi việc. Theo hợp đồng lao động thì mức lương của bà Thợt từ năm 2008 đến nay không còn phù hợp. Vì vậy, căn cứ danh sách người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 do Bảo hiểm xã hội quận G cung cấp và Sổ bảo hiểm xã hội số 0204355478 của bà Thợt thì lương bình quân 6 tháng liền kề của bà Thợt trước khi nghỉ việc là 11.375.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật lao động thì Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị T tiền trợ cấp thôi việc là: 11.375.000 đồng x 2,5 năm x ½ = 14.218.750 đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[19] Về yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (viết tắt là BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN, gọi chung là BHXH) cho bà từ tháng 9/2017 đến hết tháng 02/2018 với số tiền là 21.840.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo bảng lương từ tháng 8/2017 đến tháng 01/2018 của Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H đều thể hiện có trừ tiền BHXH của người lao động. Tuy nhiên,

đối chiếu với sổ bảo hiểm xã hội số 0204355478 của bà Thợt thì Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H mới đóng BHXH cho bà đến tháng 8/2017, điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Bảo hiểm xã hội quận G cung cấp thể hiện phía bị đơn chưa nộp BHXH, BHTN cho bà Thợt từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 với số tiền còn nợ là 21.840.000 đồng tính trên mức lương làm căn cứ đóng BHXH là 11.375.000 đồng. Vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H đóng vào quỹ BHXH cho bà Vũ Thị T từ tháng 9/2017 đến hết tháng 02/2018 với số tiền là 21.840.000 đồng.

[20] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[21] Từ những phân tích, đánh giá như trên và việc bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn cung cấp không phải chứng minh, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H phải trả cho nguyên đơn: ½ tháng tiền lương của tháng 02/2018 là 9.402.812 đồng, tiền trợ cấp thôi việc là 14.218.750 đồng và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 9/2017 đến hết tháng 02/2018 với số tiền là 21.840.000 đồng.

[22] Về án phí lao động sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

[23] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 7, Điều 15, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 36, Điều 41, khoản 2 Điều 42, Điều 47, Điều 48, Điều 90, Điều 110, Điều 115, Điều 200, Điều 201 và Điều 202 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào các Điều 2, Điều 5, Điều 21, Điều 85, Điều 86, Điều 89 và Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T:

1.1. Buộc Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H phải trả cho bà Vũ Thị T tiền lương của tháng 02/2018 là 9.402.812 đồng (Chín triệu, bốn trăm lẻ hai ngàn, tám trăm mười hai đồng) và tiền trợ cấp thôi việc là 14.218.750 đồng (Mười bốn triệu, hai trăm mười tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng). Tổng cộng là 23.621.562 đồng (Hai mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi một ngàn, năm trăm sáu mươi hai đồng). Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Buộc Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H phải nộp vào quỹ Bảo hiểm xã hội số tiền nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho bà Vũ Thị T từ tháng 9/2017 đến hết tháng 02/2018 là 21.840.000 đồng (Hai mươi một triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng). Nộp một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H chậm nộp vào quỹ Bảo hiểm xã hội số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất áp dụng theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

3. Sau khi Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H nộp đủ số tiền 21.840.000 đồng (Hai mươi một triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng) vào quỹ Bảo hiểm xã hội thì bà Vũ Thị T có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà.

4. Kể từ ngày bà Vũ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H chưa trả hết số nợ tiền lương và trợ cấp thôi việc nêu trên thì Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm là 1.364.000 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) do Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H chịu.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Dương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp